

Bản án số: **277/2021/HS - ST**
Ngày: 20/9/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Tám.**

Bà **Nguyễn Thị Tâm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 268/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2021/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2021/HSST-QĐ ngày 09/9/2021 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1989, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản B, xã M N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 10/12; Bố đẻ: Lò Văn K, sinh năm 1953; Mẹ đẻ: Quàng Thị Á, sinh năm 1955; Vợ: Lường Thị H, sinh năm 1986 và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/6/2007 Bị cáo bị TAND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 21/6/2011 Bị cáo bị TAND huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 15/6/2014 Bị cáo bị TAND huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"), ngày 12/5/2016 Bị cáo chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống; Bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ B từ ngày 18/6/2021 cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

* *Bị hại:* Bà Lường Thị H; Sinh năm: 1969; Địa chỉ: Bản N K, xã M N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lao Văn M; Sinh năm: 1979; Địa chỉ: Bản P K, xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

* *Người làm chứng:*

+ Chị Lường Thị H1; Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Bản B, xã M N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

+ Anh Quàng Văn D; Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Bản B, xã M N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn N:

Khoảng 15 giờ ngày 22/3/2021, Lò Văn N điều khiển xe mô tô của mình từ nhà một mình đi đến bản H C, xã N T, huyện Đ B với mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Tại bản H C, xã N T, Bị cáo có gặp và nói chuyện với Lò Văn T, sinh năm 1998, trú tại bản H T, xã N T, huyện Đ B và rủ T về nhà, T đã đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm tại nhà Bị cáo xong, Bị cáo nói với T: “Mày ở nhà nghỉ ngơi đi, tao đi có tí việc”. T không nói gì rồi đi ngủ, còn Bị cáo một mình điều khiển xe mô tô đến bản H C, xã N T để tìm mua ma túy về sử dụng nhưng không mua được. Khoảng 06 giờ ngày 23/3/2021 Bị cáo điều khiển xe từ bản H C, xã N T về nhà, trên đường về đi qua nhà bà Lường Thị H, sinh năm 1969, trú tại bản Na Khoang, xã M N, huyện Đ B, Bị cáo thấy trong nhà bà H không có người, Bị cáo đã đi bộ vào trong gầm sàn nhà bà H để quan sát, tìm kiếm tài sản trộm cắp. Sau khi tìm kiếm, Bị cáo nảy sinh ý định bắt trộm lợn của bà H nên Bị cáo đi thẳng vào gầm sàn nhặt một bao tải xác rắn màu xanh rồi đi vào chuồng lợn. Bị cáo dùng tay trái cầm bao tải, tay phải bắt lấy chân sau của con lợn rồi cho vào bao tải, Bị cáo đã bắt 02 con lợn tại chuồng lợn nhà bà H. Sau khi bắt được hai con lợn, Bị cáo cầm theo bao tải đựng lợn rồi đi ra bụi chuối bên mép đường ngồi quan sát. Bị cáo nhìn thấy bà H dắt bò quay lại và buộc tại đồng rơm của bà H. Sau khi quan sát thấy bà H không để ý, Bị cáo đã xách bao tải đựng hai con lợn đã bắt trộm được lên giá để hàng phía trước, rồi nổ máy điều khiển xe mô tô đi thẳng về nhà. Khi về đến nhà Bị cáo cất giấu xe mô tô và bao tải đựng 02 con lợn phía sau nhà rồi gọi T đang ngủ dậy và nói: “Anh bắt trộm được 02 con lợn, chú xem có chỗ nào bán được không?”, T nói: “Em chưa biết, anh có ma túy không cho em dùng với?”, Bị cáo nói: “Không có, muốn dùng thì phải lên H C mua”. Do sợ 02 con lợn trong bao tải bị chết nên Bị cáo có nói với

T: “Mày đi cất giấu 02 con lợn cùng tao”, sau đó Bị cáo và T cùng nhau cất giấu 02 con lợn cho vào 02 lồng gà. Sau khi cất giấu xong, Bị cáo điều khiển xe mô tô đèo T ngồi phía sau xe đi lên bản H C để tìm mua ma túy và sử dụng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Bị cáo và T đi về nhà, trên đường về T có nói với Bị cáo: “Em biết có anh M ở bản P K mua lợn”. Sau khi về đến nhà, Bị cáo và T bắt một con lợn trong lồng gà đã cất giấu trước đó cho vào bao tải màu xanh (Chiếc bao tải Bị cáo nhặt ở gầm sàn nhà bà H). Bị cáo điều khiển xe mô tô, chở Lò Văn T cầm bao tải đựng con lợn đi đến nhà anh Lao Văn M, sinh năm 1979, trú tại bản P K, xã N T, huyện Đ B. Do có quen biết anh M từ trước nên T đã đi vào nhà gặp anh M và nói: “Anh có mua lợn không?”, M nói: “Có mua, mang lợn vào đây?”, T nói với Bị cáo: “Anh ơi mang lợn vào đi”, Bị cáo xách bao tải đựng lợn rồi đưa cho T, sau khi xem lợn cùng với T, Bị cáo cân được 11kg, M nói: “Con này tao trả 1.000.000 đồng thôi”, Bị cáo nói: “1.000.000 đồng em không bán đâu”, M nói: “1.500.000 đồng bán không?”, Bị cáo và T đồng ý, sau đó M đưa số tiền 1.500.000 đồng cho T, rồi T đưa lại số tiền cho Bị cáo cầm. Trước khi về Bị cáo có nói với M: “Em còn một con lợn nữa, anh có mua không?”, M nói: “Cứ mang đến đây”. Sau khi thu được tiền từ việc bán lợn Bị cáo và T đã chi tiêu hết số tiền trên. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Bị cáo và T đi về nhà của Bị cáo để ăn cơm, sau khi ăn cơm xong do sợ bị Công an phát hiện, xử lý nên Bị cáo có nói với T: “Chú mày mang nốt con lợn kia đi bán chỗ cũ đi”, T nói: “Anh cứ để em mang đi”, sau đó T bắt con lợn còn lại trong lồng gà cho vào bao tải xác rắn màu xanh, cho lên yên xe phía trước rồi một mình điều khiển xe mô tô của Bị cáo mang đi bán cho anh Lao Văn M, khi bán T cùng anh M cân được 08kg, M đưa cho T số tiền 800.000 đồng, sau khi thu được tiền từ việc bán lợn T đã tiêu hết 100.000 đồng và quay về nhà Bị cáo đưa cho Bị cáo 700.000 đồng rồi cùng nhau đi ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 24/3/2021, Bị cáo và T tiếp tục di chuyển đến bản H C, xã N T, huyện Đ B để mua ma túy sử dụng và chi tiêu hết số tiền trên. Sau đó, Bị cáo điều khiển xe đi về hướng Trung tâm xã M N, huyện Đ B, còn T đi bộ về nhà tại bản H T, xã N T, huyện Đ B.

Về vật chứng vụ án gồm: 02 con lợn và chiếc bao tải xác rắn màu xanh Bị cáo đã bán cho anh Lao Văn M, sau khi mua được lợn anh M đã mổ thịt và vứt bao tải xác rắn đi nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL- ĐGTS ngày 10/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên kết luận:

- 01 (Một) con lợn, màu đen có khối lượng 11 kilogam có giá là 11kg x 140.000 đồng/kg = 1.540.000 đồng;

- 01 (Một) con lợn, màu đen có khối lượng 08 kilogram có giá là 08kg x 140.000 đồng/kg = 1.120.000 đồng;

- 01 bao tải xác rắn cũ đã qua sử dụng = 0 đồng.

Tổng thiệt hại là 2.660.000 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra Bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá và tại phiên tòa H nay Bị cáo cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 218/CT-VKSĐB ngày 19/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B truy tố bị cáo Lò Văn N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn N: Từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lương Thị H số tiền 2.660.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lao Văn M về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ B không thu giữ được, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Thực hiện lời nói sau cùng Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo. Bị cáo đồng ý bồi thường cho Bị hại số tiền 2.660.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Trong vụ án còn có bị can Lò Văn T, quá trình điều tra, ngày 05/7/2021 bị can Lò Văn T bị chết do bệnh lý, theo giấy báo tử số 10 ngày 30/7/2021 của Bệnh

viện Đa khoa tỉnh Điện Biên. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 230 Bộ luật tố tụng Hình sự, ngày 07/7/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra đã B hành Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can và Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Lò Văn T về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*. HĐXX thấy rằng việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã B hành Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can và Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Lò Văn T là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa H nay bị cáo Lò Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, cũng như phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23/3/2021, tại bản Na Khoang, xã M N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, Lò Văn N đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của gia đình bà Lương Thị H một bao tải xác rắn màu xanh và 02 con lợn màu đen, tổng giá trị tài sản là 2.660.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo hộ, hành vi của Bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Trộm cắp tài sản”*.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2]. Về tính chất của vụ án:

Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản có giá trị là 2.660.000 đồng. Hành vi của Bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- *Tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- *Về nhân thân*: Bị cáo Lò Văn N sinh ra và lớn lên tại Điện Biên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 10/12 thì ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2013 kết hôn với chị Lường Thị H1 và có 01 con chung sinh năm 2014.

Ngày 14/6/2007 Bị cáo bị TAND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngày 21/6/2011 Bị cáo bị TAND huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngày 15/6/2014 Bị cáo bị TAND huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Đến ngày 12/5/2016 Bị cáo chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống. Bị cáo đã được xóa án tích, nhưng Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo nghiện ma túy từ năm 2014 đến nay.

Ngày 18/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ B ra Quyết định khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với Bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của Bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của Bị cáo là làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5] . Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh làm rõ nhưng không thu hồi được tài sản nên HĐXX không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bà Lường Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Cơ quan điều tra bà H yêu cầu Bị cáo phải bồi thường 02 con lợn đã mất trị giá là 2.660.000 đồng và Bị cáo Lò Văn N cũng đã đồng ý bồi thường số tiền trên cho Bị hại. HĐXX thấy rằng việc Bị hại yêu cầu bồi thường và Bị cáo đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên tại Cơ quan điều tra. Vì vậy HĐXX cần chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lao Văn M về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của bà Lương Thị H, anh Lao Văn M là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe mô tô dùng vào việc phạm tội là do Bị cáo mua của một người đàn ông tên Thanh (không biết địa chỉ) tại thành phố Hà Nội, xe không có giấy đăng ký và biển kiểm soát, hai bên không làm giấy tờ mua bán. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp Bị cáo đã bán chiếc xe mô tô cho một người đàn ông (không biết tên tuổi, địa chỉ) được số tiền 450.000 đồng, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra không xác minh, thu giữ được chiếc xe mô tô trên, nên HĐXX không xem xét.

Đối với 02 chiếc lồng tre dùng để nhốt lợn tại nhà Bị cáo là của chị Lương Thị H1 mua để nuôi, nhốt gà, chị H1 không biết Bị cáo bắt trộm lợn của người khác về cất giấu tại nhà mình nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý, HĐXX không xem xét.

Đối với 02 con lợn và chiếc bao tải xác rắn màu xanh Bị cáo đã bán cho anh Lao Văn M, sau khi mua được lợn, anh M đã mổ thịt và vứt bao tải xác rắn đi. Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được vì vậy HĐXX không xem xét xử lý.

Đối với anh Lao Văn M là người mua 02 con lợn của Bị cáo, do anh M không biết tài sản đó là do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý, HĐXX không xem xét xử lý.

Đối với những người đã bán ma túy cho Bị cáo do Bị cáo không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ. HĐXX không xem xét.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[7.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7.2] Về sự vắng mặt của bị hại là bà Lương Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lao Văn M và những người làm chứng chị Lương Thị H1, anh

Quàng Văn D. Xét thấy bà H, anh M, chị H1 và anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra bà H, anh M, chị H1 và anh D đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292, Khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bà H, anh M, chị H1 và anh D theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Tại cơ quan điều tra Bị hại bà Lương Thị H yêu cầu Bị cáo phải bồi thường số tiền 2.660.000 đồng, Bị cáo đồng ý bồi thường và không có ý kiến gì, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa Bị hại và Bị cáo tại Cơ quan điều tra. Căn cứ vào điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Quyền Kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1. Xử phạt bị cáo Lò Văn N: 01(một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18/6/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

2. Về vật chứng: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lương Thị H số tiền 2.660.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại.
- Người CQLNVLQ;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H. Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV C.an HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan